

PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ SƠ MÔN

QUYÊN TRUNG (PHẦN 1)

20. CHÍN TƯỚNG: Một là tướng sinh chương; hai là tướng sừng tím; ba là tướng hư hoại; bốn là tướng máu chảy ra; năm là tướng máu mủ nhầy nhụa; sáu là tướng bị cắn xé; bảy là tướng rã tan; tám là tướng xương; chín là tướng đốt.

Kế Thông minh thiên là nói về chín tướng. Trên nói thiên tuy có định tuệ mà chỉ là thật quán chưa có quán đặc giải thì sức đối trị sẽ rất yếu, từ chín tướng trở đi nói về thiên định đều có quán đặc giải để đối trị bệnh nặng phiền não, lực dụng sẽ mạnh. Như đóng cây gỗ chắc mà dùng dao nhỏ thì không chặt được phải dùng búa lớn. Chín tướng là đầu tiên của quán Đặc giải, nên kế nói chín thứ này gọi chung là tướng, vì chuyển được tâm, chuyển được tướng. Vì có công năng chuyển tướng bất tịnh điên đảo nên chín thứ này đều gọi là Tướng.

1. Tướng sinh chương. Nếu quán thấy người chết sinh chương lên như cái túi đầy hơi, khác với tướng xưa, đó gọi là Tướng sinh chương.

2. Tướng bầm xanh. Nếu quán thấy chết da thịt vàng đỏ, ứ chất xanh đen thì gọi là tướng bầm xanh.

3. Tướng hư hoại. Nếu quán thấy chết gió thổi mặt trời thiêu đốt khiến vữa nát ra, ấy là Tướng hư hoại.

4. Tướng máu chảy tràn lan: Nếu quán thấy chết máu mủ chảy đầy đầy, dơ bẩn tràn lan, đó là tướng máu chảy tràn lan.

5. Tướng máu mủ nhầy nhụa: Nếu quán thấy chết thịt da nhầy nhụa, giòi trong máu mủ bò ra khắp đất, đó là tướng máu mủ nhầy nhụa.

6. Tướng cắn xé. Nếu quán thấy chết bị giòi bọ sâu kiến bu ăn, chim mổ, thú cắn xé. Đó là tướng bị cắn xé.

7. Tướng phân tán. Nếu quán thấy chết, cầm thú cắn xé, thân hình phân tán, gân xương chia lìa, đầu mình tay chân ngổn ngang, ấy là tướng phân tán.

8. Tướng bộ xương. Nếu quán thấy chết, da thịt đã hết chỉ thấy

toàn xương trắng, gân liền hoặc rời ra, ấy là tướng xương.

9. Tướng thiêu đốt. Nếu quán thầy chết bị lửa thiêu đốt tan vụn khói bốc lên, củi hết hình mất, chỉ còn tro nát. Nếu chẳng thiêu đốt thì cũng bị tan mất, đó là tướng đốt.

22. TÁM NIỆM: 1. Niệm Phật; 2. Niệm pháp; 3. Niệm tăng; 4. Niệm giới; 5. Niệm xả; 6. Niệm thiên; 7. Niệm hơi thở ra vào; 8. Niệm cái chết.

Kế chín tướng thì nói về tám niệm để trừ sợ sệt. Nếu khi tu chín tướng, suy nghĩ thầy chết đáng nhàm chán, do đây mà sợ hãi nổi ốc và bị ác ma quấy nhiễu, lo sợ càng thêm. Nếu để ý tám niệm thì sợ sệt liền dứt, cho nên nói rõ. Gọi chung là Niệm, Niệm là tên khác của trong tâm nhớ nghĩ, chuyên tâm nhớ tám công đức này, nên gọi là tám niệm. Không phải chỉ trừ được sợ sệt thế gian. Nếu khéo tu thì cũng dứt trừ được tất cả chướng nạn và ba cõi thế gian sinh tử.

1. Niệm Phật: Khi gặp sợ sệt và các chướng nạn thì nên niệm Phật. Phật là Đa-đà A-già-độ A-la-ha-Tam-niệm-Tam-Phật-đà, thần đức vô lượng, nghĩ nhớ như thế rồi thì sợ sệt và các chướng nạn đều trừ.

2. Niệm pháp: Nếu khi có chướng nạn và sợ sệt thì nên niệm pháp. Phật pháp khéo sinh ra quả ngay đời này không nóng bức, không đợi lúc đến chỗ thiện, thông suốt vô ngại ấy là Niệm pháp.

3. Niệm tăng: Tăng là chúng đệ tử Phật, có đủ năm phần Pháp thân, trong đó có bốn song tám bối được quả ba thừa, xứng đáng thọ nhận cúng dường lễ bái v.v... là ruộng phước vô thượng của thế gian, đó là niệm Tăng.

4. Niệm giới. Giới có công năng ngăn các điều ác, là chỗ ở an ổn. Trong đây giới có ba thứ. Đó là giới Luật nghi, giới Định cộng, và giới Đạo cộng. Luật nghi thì trừ được điều các ác của thân miệng. Định cộng thì ngăn được các ác giác phiền não. Đạo cộng thì phá vô minh được tuệ giải thoát, đó là niệm giới.

5. Niệm xả. Có hai thứ: Một là Xả thí xả; hai là Xả phiền não xả, Xả thí xả thì sinh ra công đức lớn. Xả phiền não xả, là do đây mà được trí tuệ, nhập Niết-bàn, đó là niệm xả.

6. Niệm thiên: Tức là từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại. Hoặc có bốn thứ trời: Một là Thiên, hai là Sinh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn là Sinh tịnh thiên. Như thế quả báo thanh tịnh, lợi ích an vui tất cả, đó là niệm thiên.

7. Niệm A-na-na, như mười sáu Đặc thắng nói niệm hơi thở ra

vào. Như thế khi niệm trì trừ được tâm loạn mà nhập vào chánh đạo hưởng chi các sợ sệt ở thế gian, đó là niệm A-na-ban-na.

8. Niệm cái chết: có hai thứ (chết): Một là (tự chết), hai là do nhân duyên khác mà chết. Hai thứ này thường theo thân không thể tránh được. Đó là niệm cái chết.

23. MƯỜI TƯỚNG: 1. Tướng vô thường; 2. Tướng khổ; 3. Tướng vô ngã; 4. Tướng thức ăn bất tịnh; 5. Tướng thế gian chẳng có gì đáng vui; 6. Tướng cái chết; 7. Tướng bất tịnh; 8. Tướng dứt; 9. Tướng ly; 10. Tướng cùng tận.

Kế tám niệm là nói về mười tướng. Luận Đại Trí Độ chép: Chín tướng như dây trói giặc, mười tướng như giết giặc. Nếu thế phải trước nói chín tướng, chỉ khi tu chín tướng thì có các chướng nạn và sợ sệt, nên phải nói tám niệm. Đã lìa được các sợ sệt rồi thì tâm an và không chướng. Nên kế nói mười tướng. Nói tướng là vì có công năng chuyển được tâm, chuyển được tướng, chuyển được các tướng điên đảo như chấp thường, lạc, v.v..., nên gọi là Tướng. Ba là tướng trước là đoạn kiến đế hoặc mà nói, bốn tướng giữa là đoạn tư duy hoặc mà nói và ba tướng sau là vì tu đạo vô học mà nói. Do đó người hoại pháp phải tu mười tướng này thì dứt được kết sử ba cõi mà chứng quả Thánh vô lậu.

1. Tướng vô thường. Quán tất cả pháp hữu vi là vô thường, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là tướng vô thường. Tất cả pháp hữu vi có hai thứ: Một là chúng sinh, hai là cõi nước. Hai thứ này đều thường mới và sinh diệt, nên gọi là Vô thường.

2. Tướng khổ. Quán tất cả pháp hữu vi là khổ, trí tuệ tương ứng với tướng (dùng trí tuệ mà tướng) gọi là tướng khổ. Nếu pháp hữu vi vô thường, tức là khổ thường bị áp bức của ba khổ, tám khổ. Ấy gọi là Khổ.

3. Tướng vô ngã. Quán tất cả pháp là vô ngã, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng vô ngã. Nếu pháp hữu vi đều là khổ thì tức là vô ngã, vì không tự tại, cũng vì khổ từ duyên sinh mà không có tự tánh. Trong không có tự tánh nên ngã không thật có.

4. Tướng thức ăn bất tịnh. Quán các thức ăn uống đều bất tịnh, trí tuệ tương ứng với tướng nên gọi là Tướng thức ăn bất tịnh. Thức ăn uống thế gian đều từ nhân duyên bất tịnh, cho nên thịt từ tinh huyết sinh ra, bơ lạc từ đường nước tinh huyết sinh ra, tùy việc mà quán, đều là bất tịnh.

5. Tướng thế gian chẳng có gì đáng vui. Quán tất cả thế gian đều

chẳng có gì đáng vui, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng thế gian chẳng có gì đáng vui. Có hai thứ thế gian: Một là chúng sinh, hai là cõi nước. Có nhiều lỗi ác chẳng đáng vui.

6. Tướng cái chết. Quán cái chết, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng cái chết. Nếu quả báo trong một thời kỳ thường bị hai thứ chết đeo đuổi thì thở ra có thể không thở vào.

7. Tướng bất tịnh: Quán thân mình và người đều bất tịnh, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng bất tịnh. Như quán trong thân này có ba mươi sáu vật, ngoài thì có chín lỗ thường tiết ra nước dơ. Từ sinh đến chết không có một thứ nào là sạch cả.

8. Tướng dứt: Quán Niết-bàn là sinh tử, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng dứt. Người tu phải nghĩ nếu Niết-bàn thanh tịnh không có phiền não thì phải dứt trừ kết sử mà chứng Niết-bàn.

9. Tướng lìa. Quán Niết-bàn là sinh tử, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng lìa. Người tu suy nghĩ nếu Niết-bàn thanh tịnh là sinh tử, thì phải lìa sinh tử mà chứng Niết-bàn.

10. Tướng cùng tận. Quán Niết-bàn, kết sử và sinh tử dứt hết, trí tuệ tương ứng với tướng gọi là Tướng cùng tận. Người tu nghĩ rằng: Nếu Niết-bàn thanh tịnh kết sử và sinh tử, thì phải dứt hẳn kết sử và nghiệp sinh tử mà chứng Niết-bàn.

24. TÁM BỒI XẢ: 1. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc; 2. Trong không sắc tướng, ngoài quán sắc; 3. Tịnh bối xả thân làm chứng; 4. Hư không xứ bối xả; 5. Thức xứ bối xả; 6. Vô sở hữu xứ bối xả; 7. Phi hữu tướng phi vô tướng bối xả; 8. Diệt thọ tướng bối xả.

Kế mười tướng là nói về tám bối xả. Trước nói chín tướng mười tướng. Đã là hoại pháp đối trị quán môn thì ngang cục mà dọc ngắn, đối trị các thiền định quán đều chưa đầy đủ. Nếu chứng quả Thánh thì không có các công đức lớn chưa ba minh, tám giải thoát, v.v... Nay muốn nói đủ tất cả vô lậu đối trị, quán luyện huân tu thiền định nên sẽ nói kế đây. Nếu tu quán này luyện các thiền định khi chứng quả Thánh thì thành La-hán có sức mạnh, đầy đủ sáu thông ba minh và tám giải thoát, Nguyên trí đánh thiền, Tam-muội Vô tránh, v.v... là các công đức. Tám thứ này gọi chung là tám bối xả. Luận Đại Trí Độ chép: Bối là tịnh khiết năm dục. Xả là tâm đấm, nên gọi là bối xả. Nếu phát trí tuệ vô lậu chân thật, dứt hết kiết nghiệp ba cõi thì gọi là giải thoát.

1. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc: Trong có sắc tướng là chẳng hoại nội sắc, chẳng diệt sắc tướng bên trong. Ngoài quán sắc là

chẳng hoại sắc ngoài, chẳng diệt sắc tướng bên ngoài, lấy tâm bất tịnh ấy mà quán sắc ngoài. Rõ ràng như thế vì tu lưu quang nên chẳng phải ở trong Sơ bối xả mà hoại diệt xương người trong thân. Kết sử cõi Dục khó dứt cho nên phải dùng tâm bất tịnh mà quán sắc ngoài. Vị Sơ bối xả này ở Sơ thiền xả được mình người và ở địa dưới nên gọi là Bối xả.

2. Trong không sắc tướng, ngoài quán sắc. Trong không sắc tướng, hoại sắc trong, diệt tướng sắc trong. Ngoài quán sắc là chẳng hoại sắc ngoài, chẳng diệt tướng ngoại sắc. Dùng tâm bất tịnh mà quán sắc ngoài. Rõ ràng như thế người tu vì nhập vào Nhị thiền nội tịnh mà hoại diệt người trong xương. Vì kết sử cõi dục khó dứt nên cũng quán tướng bất tịnh bên ngoài.

3. Tịnh bối xả thân làm chứng. Tịnh là duyên tịnh nên gọi là tịnh. Người tu từ tướng bất tịnh bên ngoài, chỉ ở trong định mà luyện tám sắc ánh sáng, thanh tịnh sáng sạch cũng như màu chất báu, nên gọi là duyên tịnh thân làm chứng. Vì không có tâm (đắm trước) nên được thân khắp vui trong Tam thiền, nên gọi là thân làm chứng.

4. Hư không xứ bối xả. Nếu diệt sắc căn bản Tứ thiền và ba bối xả, bốn thắng xứ, tám sắc trong tất cả chỗ, một tâm duyên với vô biên hư không mà nhập định, tức là quán định này nương Ấm nhập giới, cho nên có vô thường, khổ, không, vô ngã, giả dối chẳng thật mà tâm sinh nhàm chán chẳng đắm trước, thâm nhập sâu vào, một bề không trở lại. Ấy là Hư không xứ bối xả.

5. Thức xứ bối xả. Nếu xả hư không, khi một tâm duyên thức vào định thì quán định này, nương Ấm nhập, giới nên có vô thường, khổ, không, vô ngã, đối trá chẳng thật, tâm sinh nhàm chán mà chẳng thọ trước, vào sâu một bề chẳng trở lại, đó là Thức xứ bối xả.

6. Vô sở hữu xứ bối xả. Nếu xả thức, một tâm khi duyên vô sở hữu mà vào định, tức quán định này, nương Ấm nhập giới cho nên có vô thường, khổ, không, vô ngã, đối trá chẳng thật, tâm sinh nhàm chán mà chẳng thọ trước, vào sâu một bề chẳng trở lại. Ấy là Vô sở hữu xứ bối xả.

7. Phi hữu tướng, phi vô tướng bối xả: Nếu xả vô sở hữu xứ, khi một tâm duyên Phi hữu tướng phi vô tướng mà vào định, tức quán định này, nương Ấm nhập giới cho nên có vô thường, khổ, không, vô ngã, đối trá chẳng thật, tâm sinh nhàm chán mà chẳng thọ trước, vào sâu một bề chẳng trở lại. Ấy là Phi hữu tướng phi vô tướng bối xả.

8. Diệt thọ tướng bối xả. Bối diệt thọ tướng các pháp tâm, tâm sở. Ấy là Diệt thọ tướng bối xả. Vì sao? Các đệ tử Phật nhàm chán sợ

sệt tâm tán loạn, muốn nhập định nghỉ ngơi, đặt pháp Niết-bàn mà vào trong thân, cho nên nói thân chứng mà tướng thọ diệt.

25. TÁM THẮNG XỨ:

1. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, đó gọi là Thắng tri thắng kiến; 2. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc nhiều, hoặc xấu hoặc tốt, đó gọi là Thắng tri thắng kiến; 3. Trong không sắc tướng, ngoài quán sắc ít cũng như thế; 4. Trong không sắc tướng ngoài quán sắc nhiều cũng như thế; 5. Thanh thắng xứ; 6. Hoàng thắng xứ; 7. Xích thắng xứ; 8. Bạch thắng xứ.

Kế tám bối xả là nói về tám thắng xứ. Bối xả tuy có dụng bối xả tịnh khiết năm dục. Đã là sơ quán ở trong duyên mà chuyển biến, chưa được tự tại tùy tâm. Nếu muốn quán tâm được thuần thực chuyển biến tự tại, ắt cần phải tiến tu thắng xứ quán. Cho nên sẽ nói kế đây, vì vậy luận Trí Độ có thí dụ rằng: Như người cỡi ngựa phá trận, cũng tự chế phục ngựa ấy, nên gọi là Thắng xứ, cũng gọi là tám trừ nhập.

1. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, đó gọi là Thắng tri, thắng kiến. Trong có sắc tướng ngoài quán sắc ít: Sơ bối xả mà nói ít, là duyên ít nên nói ít. Nếu quán đạo chưa thêm nên phải quán ít nhân duyên, nhiều thì sợ khó nhiếp, chuyển biến chẳng được tùy tâm. Nếu quán ít đẹp xấu trong pháp bất tịnh thì chuyển biến tự tại, thông đạt vô ngại. Tâm không lấy bỏ chẳng khởi yêu ghét. Ấy gọi là Thắng tri thắng kiến.

2. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc nhiều, hoặc xấu hoặc tốt, đó gọi là Thắng tri thắng kiến. Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc. Như sơ bối xả mà nói nhiều là quán nhiều nhân duyên, nên gọi quán nhiều. Tâm đã điều phục thành khuôn phép thì quán nhiều không hại, cho nên nói nhiều. Nếu đối chiếu tốt xấu ở trong cảnh bất tịnh mà chuyển biến tự tại thông đạt vô ngại, tâm không lấy bỏ, chẳng khởi yêu ghét. Đó gọi là Thắng tri thắng kiến.

3. Trong không sắc tướng ngoài quán sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, đó gọi là Thắng tri thắng kiến. Trong không sắc tướng như hai bối xả, ngoài quán sắc ít hoặc tốt hoặc xấu v.v.... đều như Thắng xứ ở đầu.

4. Trong không sắc tướng, ngoài quán sắc nhiều, hoặc tốt hoặc xấu, đó gọi là Thắng tri thắng kiến. Trong không sắc tướng như hai bối xả, ngoài quán sắc ít hoặc tốt hoặc xấu đều như hai Thắng xứ

5. Thanh thắng xứ. Nếu quán màu xanh, chuyển biến tự tại, ít có thể nhiều, nhiều có thể ít, sắc sáng rực rỡ hơn cả bối xả. Tướng xanh

được thấy cũng chẳng khởi ưa thích, nên gọi là Thanh thắng xứ

6. Hoàng thắng xứ, giống như phân biệt của Thanh thắng xứ.

7. Xích thắng xứ, giống như phân biệt của Thanh thắng xứ.

8. Bạch thắng xứ, giống như phân biệt của Thanh thắng xứ.

Nay dùng bốn sắc làm thắng xứ là y theo luận Đại Trí Độ, như trong kinh Anh Lạc thì dùng bốn đại, bốn thắng xứ.

26. MƯỜI NHẤT THIẾT XỨ: Một là Thanh nhất thiết xứ; hai là Hoàng nhất thiết xứ; ba là Xích nhất thiết xứ; bốn là Bạch nhất thiết xứ; năm là Địa nhất thiết xứ; sáu là Thủy nhất thiết xứ; bảy là Hỏa nhất thiết xứ; tám là Phong nhất thiết xứ; chín là Không nhất thiết xứ; mười là Thức nhất thiết xứ.

Kế tám thắng xứ là nói về mười Nhất thiết xứ. Thắng xứ tuy ít mà trong quán chuyển biến tự tại nhưng chưa cùng khắp. Nay mười Nhất thiết xứ sẽ quán cùng khắp, do đó mà kế đây sẽ nói. Luận Đại Trí Độ chép: Bối xả là sơ môn (môn đầu), thắng xứ là trung hạnh (hạnh giữa), Nhất thiết xứ là thành tựu (thành tựu sau cùng). Ba thứ quán đủ tức là quán thiện thể thành tựu, gọi chung là Nhất thiết xứ, đều từ chỗ quán cảnh đầy khắp mà được tên gọi. Cũng gọi là mười Nhất thiết nhập.

1. Thanh nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc xanh trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều xanh.

2. Hoàng nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc vàng trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều vàng.

3. Xích nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc đỏ trong bối xả thắng xứ ở trước khiến cho khắp tất cả chỗ đều đỏ.

4. Bạch nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc trắng bối xả trong thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là trắng.

5. Địa nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc đất trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là sắc đất.

6. Thủy nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc nước trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là sắc nước.

7. Hỏa nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc lửa trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là sắc lửa.

8. Phong nhất thiết xứ: lại lấy ít sắc gió trong bối xả thắng xứ ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là sắc gió.

9. Không nhất thiết xứ: lại vào định hư không bối xả ở trước, khiến cho khắp tất cả chỗ đều là không.

10. Thức nhất thiết xứ: lại lấy ít thức xứ bối xả ở trước, khiến cho

khắp tất cả chỗ đều có thức.

27. MƯỜI BỐN BIẾN HÓA: Sơ thiên có hai biến hóa, Nhị thiên có ba biến hóa, Tam thiên có bốn biến hóa, Tứ thiên có năm biến hóa. Hợp lại thành mười bốn biến hóa.

Kế mười Nhất thiết xứ là nói về mười bốn biến hóa. Trên đã nói quán thiên, chánh thể tuy đủ nhưng chưa nói về công dụng. Nay muốn học dụng sáu thông, thì trước phải tu tâm biến hóa. Nói chung là Biến hóa, là khiến cho không mà chột có, có mà chột không, nên gọi là biến hóa.

1. Sơ thiên có hai biến hóa: Một là sơ thiên hóa sơ thiên, có khả năng biến hóa địa mình; hai là Sơ thiên hóa cõi dục, có khả năng biến hóa địa dưới cõi Dục.

2. Nhị thiên có ba biến hóa: Một là Nhị thiên hóa Nhị thiên, có khả năng biến hóa địa mình; hai là Nhị thiên hóa Sơ thiên, có khả năng biến hóa địa dưới Sơ thiên; ba là Nhị thiên hóa cõi dục, là có khả năng biến hóa địa dưới cõi dục.

3. Tam thiên có bốn biến hóa: Một là tam thiên hóa tam thiên, là có khả năng biến hóa địa mình; hai là Tam thiên hóa Nhị thiên, có khả năng biến hóa địa dưới Nhị thiên; ba là Tam thiên hóa Sơ thiên, có khả năng biến hóa địa dưới Sơ thiên; bốn là Tam thiên hóa cõi dục, có khả năng biến hóa địa dưới cõi dục.

4. Tứ thiên có năm biến hóa, tức Tứ thiên có khả năng hóa từ Tứ thiên, Tam thiên, Nhị thiên, Sơ thiên và cõi dục, tất cả có năm thứ như trên suy ra.

28. SÁU THẦN THÔNG: 1. Thiên nhãn thông; 2. Thiên nhĩ thông; 3. Tri tha tâm thông; 4. Túc mạng thông; 5. Thân như ý thông; 6. Lậu tận thông.

Kế biến hóa là nói về sáu thần thông. Ở đây có ba ý khác nhau. Nếu y báo được thần thông thì được thần thông rồi mới biến hóa. Nếu là tự được thần thông thì trước phải tu biến hóa rồi mới được thần thông. Nay ở đây đã y cứ tu được thứ lớp, nên kế biến hóa là nói về Thần Thông, đây đều gọi là thông. Còn kinh Anh Lạc thì nói: Thần là thiên tâm, thông là tuệ tánh, là tuệ thiên nhiên thấu suốt vô ngại, nên gọi thần Thông.

1. Thiên nhãn thông. Người tu Thiên nhãn nếu ở sâu trong thiên định thì phát được tạo sắc trụ cõi sắc bốn đại thanh tịnh, mắt thấy chúng

sinh trong sáu đường chết đây sinh kia và thấy tất cả hình sắc ở thế gian, đó là Thiên nhãn thông.

2. Thiên nhĩ thông. Người tu Thiên nhĩ, nếu ở sâu trong thiền định thì phát được bốn đại thanh tịnh tạo sắc trụ cõi sắc, tai nghe được tiếng nói của chúng sinh trong sáu đường và các thứ tiếng thế gian, ấy là Thiên nhĩ thông.

3. Tri tha tâm thông. Người tu tha tâm trí nếu ở sâu trong thiền định thì phát trí tha tâm, liền biết được tâm và pháp số của chúng sinh trong sáu đường và các thứ duyên niệm, đó là Tha tâm thông.

4. Túc mạng thông. Người tu túc mạng thông nếu ở sâu trong thiền định thì phát trí Túc mạng, liền biết được quá khứ một đời, hai đời, trăm ngàn muôn đời cho đến túc mạng (mạng đời trước) và các việc đã làm của mình trong tám muôn đại kiếp cũng hay biết được túc mạng và các việc làm của các chúng sinh, đó là Túc mạng thông.

5. Thân như ý thông. Người tu thân thông nếu ở sâu trong thiền định thì phát được thân thông. Thông có hai thứ: Một là bay mau đến, núi không ngăn ngại được; hai là biến thân mình thành thân khác và các thứ trên thế gian tùy tâm tự tại, đó là Thân như ý thông.

6. Lưu tận thông. Người tu lưu tận thông nếu ở sâu trong thiền định phát được chân trí kiến tư thì ba lậu dứt hết. Đó là Lưu tận thân thông.

29. CHÍN ĐỊNH THỨ LỚP: 1. Sơ thiền; 2. Nhị thiền; 3. Tam thiền; 4. Tứ thiền; 5. Không xứ; 6. Thức xứ; 7. Vô sở hữu xứ; 8. Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; 9. Diệt thọ tưởng thứ đệ định.

Kế sáu thông là nói về chín định thứ lớp. Trên đã nói thiền, tuy thể dụng đã đủ mà đều là quán thiền, chưa nói tướng luyện thực điều nhu. Nay muốn nói tu luyện quán thiền thể dụng, khiến thuần thực vào thể và khi khởi thì tâm niệm không xen hở, cho nên kế là nói gọi chung là định Thứ lớp. Nếu khi nhập thiền thâm tâm trí tuệ sâu xa lạnh lợi, từ một thiền vào một thiền, tâm tâm tiếp nối, không có niệm khác xen vào nên gọi là định Thứ lớp.

1. Sơ thiền thứ đệ định, lia các dục ác, các pháp bất thiện, có giác có quán, lia sinh hỷ lạc khi vào định sơ thiền, ở trong sơ thiền định quán mà (ngang nhau), tự biết tâm ấy. Tâm ấy thứ lớp mà vào, không có sát-na tạp niệm xen vào định sơ thiền. Ấy là Sơ thiền thứ lớp định.

2. Nhị thiền thứ đệ định. Nếu khi từ Sơ thiền vào Nhị Thiền, ở trong Nhị thiền định quán giới hạn, tự biết tâm ấy, tâm ấy thứ lớp mà

vào, không có sát-na tạp niệm xen vào định Nhị thiền, đó là Nhị thiền thứ đệ định

3. Tam thiền thứ đệ định: Ý loại giống như đã nói trong Sơ thiền và Nhị thiền.

4. Tứ thiền thứ đệ định (như nói trong Sơ thiền và Nhị thiền).

5. Hư không xứ thứ đệ định (cũng nói như trên).

6. Thức xứ thứ đệ định (cũng nói như trên).

7. Vô sở hữu xứ thứ đệ định (cũng nói như trên).

8. Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thứ đệ định (cũng nói như trên).

9. Diệt thọ tướng thứ đệ định. Nếu từ Phi hữu tướng Phi vô tướng khi vào định Diệt thọ tướng thì như định trước tự biết tâm ấy, yếu kỳ tâm lợi, tâm tâm thứ lớp mà vào, không có sát-na tạp niệm xen vào định Diệt thọ tướng. Ấy là Diệt thọ tướng thứ đệ định.

30. BA TAM MUỘI: 1. Tam-muội có giác có quán; 2. Tam-muội không giác có quán; 3. Tam-muội không giác không quán;

Kế chín định thứ đệ là nói về ba Tam-muội. Thể của chín định thứ đệ tức là ba Tam-muội, chỉ có ly hợp danh số nhiều ít khác nhau, chế lập có khác. Vì sao? vì chín định thứ đệ luyện chung các thiền mà chẳng có tự thể khác, còn ba Tam-muội cũng như thế. Cho nên biết thể không phải là pháp khác mà không đặt tên. Chín định danh số tuy nhiều nhưng chẳng lấy khoảng giữa, còn Tam-muội danh số tuy ít mà chung cho cả khoảng giữa hợp lấy chín định. Một bên từ lý sự các thiền mà được gọi Tam-muội, một bên từ các thiền lý sự mà được tên gọi, đó là hơi khác. Cho nên kế chín định thứ lớp là nói về ba Tam-muội. Nói Tam-muội là Tam-ma-đề, đời dịch Tần là Chánh tâm hành xứ. Là tâm ấy từ vô thỉ đến nay thường cong vạy, không đầu mối, nay được thẳng nên gọi là Tam-muội.

1. Tam-muội Có giác có quán: Nếu dùng không vô tướng, vô tác tương ứng với tâm mà nhập vào các định quán Sơ thiền, và trong các phương tiện thì tất cả giác quán đều là thiền, đều là chánh trực, nên gọi là Tam-muội Có giác có quán.

2. Tam-muội Không giác có quán: Nếu dùng không, vô tướng, vô tác tương ứng với tâm mà nhập vào các định, quán thiền trung gian thì tất cả thiền không giác có quán đều là chánh trực, nên gọi là Tam-muội Không giác có quán.

3. Tam-muội Không giác không quán: Nếu dùng tâm tương ứng với không vô tướng vô tác mà nhập vào các định, mà quán trong thiền

không giác không quán thì từ Nhị thiền cho đến định diệt thọ tướng và định quán không giác không quán đều là chánh trực, nên gọi là Tam-muội Không giác không quán.

31. TAM MUỘI SƯ TỬ PHẤN TẤN: Có hai thứ Tam-muội Sư tử phấn tấn tam: Một là Phấn tấn nhập; hai là Phấn tấn xuất.

Kế ba Tam-muội là nói về Tam-muội Sư tử phấn tấn. Trong kinh Đại Phẩm Phật tự khuyên rằng: Bồ-tát nương chín định thứ đệ mà vào Tam-muội Sư tử phấn tấn. Ba Tam-muội và chín định pháp tướng đã đồng cho nên nói kế ba Tam-muội vì nghĩa không trái. Nói Sư tử phấn tấn là mượn dụ để hiển bày pháp, như ở đời có Sư tử và phấn tấn là hai việc. Cho nên một là giữ sạch bụi đất, hai là chạy đi chạy lại nhanh hơn các thú khác. Tam-muội này cũng như thế. Một là phải sạch các hoặc chướng định nhỏ nhặt khó biết, hai là ra vào nhanh chóng không xen hở, khác với các thiền định đã được ở trên nên gọi là tam muội Sư tử phấn tấn.

1. Nhập thiền phấn tấn. Tam muội sư tử phấn tấn nhập: là pháp dục ác bất thiện, có giác có quán sơ thiền. Như thế thứ lớp vào nương Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, định diệt thọ tướng, đó là phấn tấn nhập.

2. Xuất thiền phấn tấn. Sư tử phấn tấn xuất là định diệt thọ tướng, lại nhập phi hữu tướng phi vô tướng. Xuất Phi hữu tướng Phi vô tướng lại nhập Vô sở hữu xứ, như thế Thức xứ, Không xứ, Tứ Tam Thiền, Nhị Thiền, sơ thiền cho đến trong xuất tán tâm, đó là phấn tấn xuất.

32. TAM MUỘI SIÊU VIỆT: 1. Siêu nhập; 2. Siêu xuất.

Kế Sư tử phấn tấn là nói về Siêu việt, trong kinh Đại Phẩm Phật tự khuyên rằng Bồ-tát nương tam muội Sư tử phấn tấn nhập Tam-muội Siêu việt. Do đó gọi là Siêu việt, vì vượt qua các địa, tự tại ra vào, nên gọi là Siêu việt.

1. Tam-muội Siêu nhập. Thế nào là Tam-muội Siêu nhập là là các pháp, dục ác bất thiện, có giác có quán ly sinh hỷ lạc nhập vào sơ thiền, xuất sơ thiền mà siêu nhập vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, xuất phi hữu tướng phi vô tướng xứ rồi nhập vào định diệt thọ tướng, định xuất diệt thọ tướng rồi lại nhập vào nhị thiền, xuất nhị thiền rồi lại nhập định diệt thọ tướng, xuất định diệt thọ tướng rồi lại nhập vào Tam thiền, xuất tam thiền lại định diệt thọ tướng, xuất định diệt thọ tướng vào tứ thiền, xuất tứ thiền lại nhập vào định diệt thọ tướng, xuất định

diệt thọ tướng lại nhập vào Thức xứ, xuất Thức xứ lại vào định diệt thọ tướng, xuất định diệt thọ tướng lại nhập vào bất dụng xứ, xuất bất dụng xứ lại nhập vào định diệt thọ tướng, xuất định diệt thọ tướng lại nhập vào Phi hữu tướng Phi vô tướng. Xuất phi hữu tướng phi vô tướng lại nhập vào định diệt thọ tướng. Ấy là tướng Tam-muội siêu nhập của chư Phật, Bồ-tát. Nếu người Thinh văn thể chỉ có thể nhập vào một mà chẳng thể siêu nhập vào hai hướng chi là có thể tự tại siêu nhập như trên nói. Trong ấy nói siêu nhập có ba thứ: Một là thuận nhập siêu; hai là nghịch nhập siêu; ba là thuận nghịch nhập siêu. Tế tâm y cứ nghĩa tự có thể hiểu.

2. Siêu xuất Tam-muội. Thế nào là Tam-muội siêu xuất, là xuất định diệt thọ tướng thì nhập vào tán tâm. Xuất tán tâm mà nhập vào định diệt thọ tướng. Xuất định diệt thọ tướng lại nhập vào tán tâm, từ tán tâm lại nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, xuất phi hữu tướng Phi vô tướng xứ lại trụ vào tán tâm. Xuất tán tâm lại nhập Vô sở hữu xứ. Xuất Vô sở hữu xứ lại trụ tán tâm. Xuất tán tâm lại nhập Thức xứ. Xuất thức xứ lại trụ tán tâm, xuất tán tâm lại nhập không xứ. Xuất không xứ lại trụ tán tâm, xuất tán tâm lại nhập Thức xứ. Xuất thức xứ lại trụ tán tâm, xuất tán tâm lại nhập Tứ thiền. Xuất Tứ thiền lại trụ tán tâm. Xuất tán tâm lại nhập Tam thiền. Xuất tam thiền lại trụ Tán tâm, xuất tán tâm lại vào Nhị thiền, xuất nhị thiền lại trụ Tán tâm. Xuất tán tâm lại nhập sơ thiền. Xuất sơ thiền lại trụ Tán tâm. Đó là tướng Tam-muội siêu xuất của chư Phật, Bồ-tát. Nếu người Thinh văn siêu xuất thì chỉ có thể siêu vượt một thiền xuất ra mà chẳng thể siêu (vượt) được hai, hướng chi có thể tự tại siêu xuất. Trong ấy, siêu xuất có ba: Một là thuận siêu xuất, hai là nghịch siêu xuất, ba là thuận nghịch siêu xuất. Đủ như ba thứ siêu nhập ở trước, hợp thành sáu thứ siêu việt Tam-muội. Như Lai ở trong sáu thứ Tam-muội này mà nhập Niết-bàn. Ngang đây đã nói các hạnh và thiền Ba thừa đã xong.